TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2017

VIÊN THIÊN KHANH

Digitally signed by VIÊN THIÊN KHANH
DN: c=VN, st=Hồ Chí Minh, l=Thủ Đức, o=CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC, ou=Kế Toán Tài Vụ, title=Kế Toán Tài Vụ, cn=VIÊN THIÊN KHANH, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:022684366
Date: 2018.03.08 16:11:00 +07'00'

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2017

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- BĐH : Ban Điều hành
- BHXH : Bảo hiểm xã hội
- CBNV : Cán bộ nhân viên
- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức (TIMEXCO)
- CP : Cổ phiếu
- CHXD : Cửa hàng xăng dầu
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- KH : Kế hoạch
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- NLĐ : Người lao động
- NSDLĐ : Người sử dụng lao động
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- TH : Thực hiện
- Tổng công ty : Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
- VĐL : Vốn điều lệ

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG 3

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT 3

II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH 5

III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ 6

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 7

V. CÁC RỦI RO 9

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 10

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 10

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 10

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN 13

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 14

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG 15

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI 15

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 17

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 17

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 18

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018 18

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY. 19

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 22

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 22

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC 22

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT TRONG NHIỆM KỲ 2013-2018 22

IV. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT 23

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY 24

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24

II. BAN KIỂM SOÁT 27

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS 28

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 30

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
Năm 2017

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
- Tên giao dịch quốc tế: Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TIMEXCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301444626
- Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 38966819
- Số fax: (84-28) 38963210
- Website: www.timexcothuduc.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMC

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được hình thành từ việc sáp nhập 02 doanh nghiệp nhà nước là Công ty Vật tư Tổng hợp huyện Thủ Đức và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Thủ Đức với tên gọi Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức, đến năm 2000 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức cho đến nay. Kể từ khi cổ phần hóa, Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thêm nhiều ngành hàng mới. Hiện nay, Công ty đã có hệ thống 20 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động tại quận Thủ Đức, Quận 9, Quận 2, huyện Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận và tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 05/12/2014 Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức chính thức trở thành Công ty con của DNNN Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), hiện đang nắm giữ 51,01% VĐL Công ty.

2. Các mốc sự kiện quan trọng

- Ngày 27/03/2000: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được thành lập theo Quyết định số 09/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ đồng, trong đó phần vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 40%
- Năm 2002: Tăng VĐL lên 18 tỷ đồng
- Năm 2004: Bán đấu giá thành công 40% phần vốn Nhà nước
- Năm 2006: Tăng VĐL lên 27 tỷ đồng
- Tháng 12/2006: Cổ phiếu của TIMEXCO được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)
- Năm 2007: Tăng VĐL lên 40 tỷ đồng
- Tháng 5/2009: Chuyển niêm yết sang giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)
- Năm 2010: Tăng VĐL lên 80 tỷ đồng
- Năm 2012: Tăng VĐL lên 124 tỷ đồng

3. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua

- Năm 2008: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước và được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2009: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2010: Công ty đạt Cúp Thương hiệu Chứng khoán uy tín và được Cờ Thi đua của Chính phủ.
- Năm 2011: Công ty được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2012: Công ty được tặng Bằng khen và Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- 9 năm liền (2007 – 2015) Công ty liên tục được đánh giá xếp hạng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Đạt giải "Sao vàng đất Việt" các năm 2010, 2011, 2012 và 2013.
- Năm 2014: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng; được Bằng khen của Bộ Công Thương đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc công tác kinh doanh năm 2014.

- Năm 2015: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác vận động quỹ Vì người nghèo giai đoạn 2001- 2015.
- Năm 2016: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Bộ Công Thương.
- Công ty đã liên tục đạt danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" qua các năm từ năm 2001 đến năm 2017.

4. Các sự kiện đầu tư lớn

- Ngày 09/01/2012, khai trương Siêu thị Điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, tổng trị giá đầu tư 32 tỷ đồng. Siêu thị được xây dựng lại trên nền của Trung tâm điện máy 30-4 cũ, được sử dụng làm siêu thị chuyên kinh doanh mặt hàng điện máy, điện tử, đồ dùng gia đình, nội thất.

- Cùng ngày 09/01/2012, khai trương Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị TMC Palace tại số 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức. Đây là sự kiện đánh dấu sự ra đời một ngành kinh doanh mới của Công ty. Cuối năm 2014, khai trương thêm Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Rose Palace tại số 746 Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, quận Thủ Đức.

II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

- Thương nhân phân phối xăng dầu, nhớt, mỡ, ...
- Kinh doanh hàng kim khí điện máy, xe đạp, dụng cụ gia đình
- Kinh doanh, sửa chữa xe máy
- Kinh doanh sắt thép xây dựng
- Dịch vụ nhà hàng tiệc cưới, hội nghị
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi
- Kinh doanh khác

2. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Dương, Đồng Nai, ngoài ra còn có điểm kinh doanh tại Bình Thuận, Tiền Giang.

III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu HĐQT để lãnh đạo và quản lý Công ty; bầu BKS để thay mặt ĐHĐCĐ giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các Tiểu ban của HĐQT có chức năng tư vấn, tham mưu và hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

- Đứng đầu BĐH là Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc quản lý và điều hành Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Phó Giám đốc và các bộ phận để giải quyết công việc cụ thể.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý

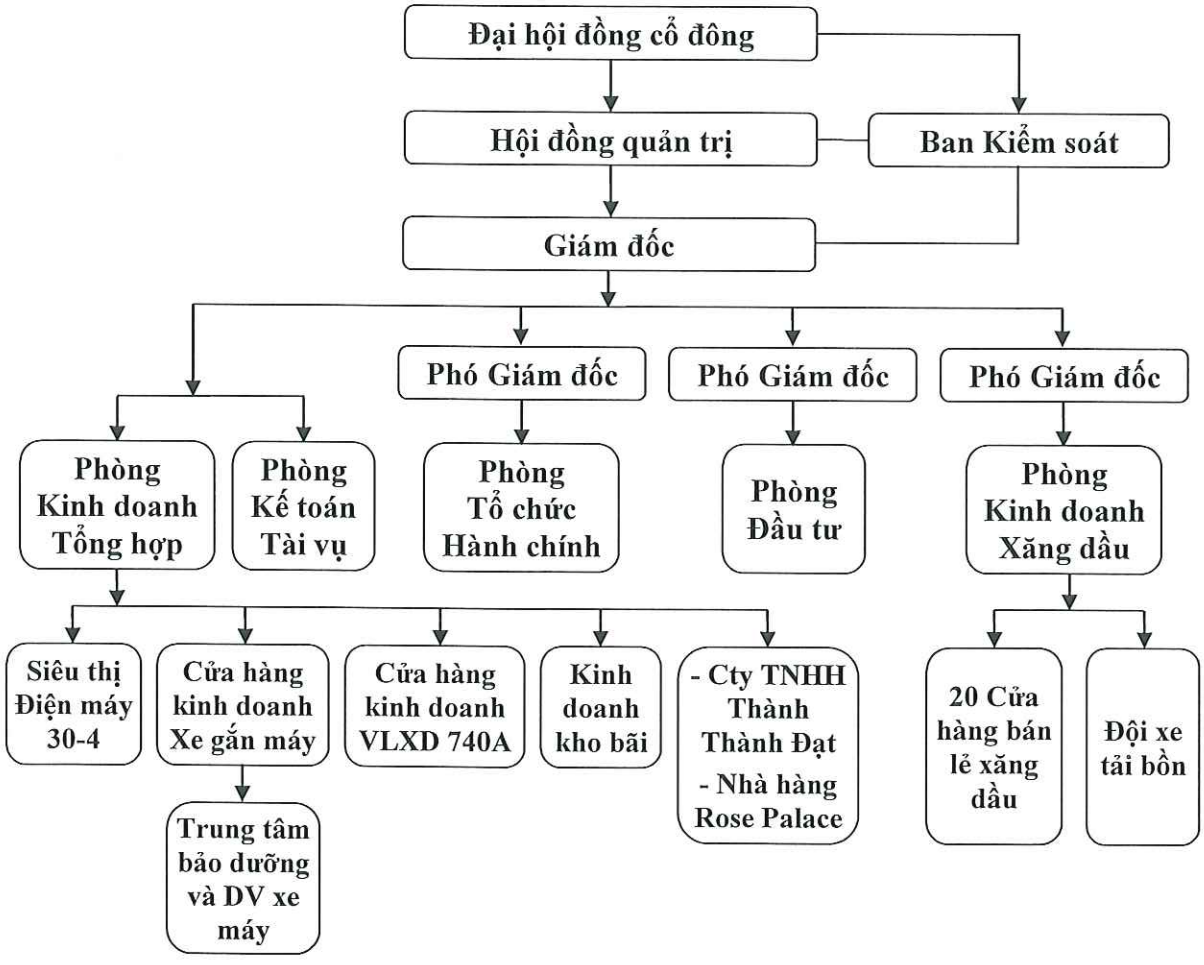

3. Các Công ty con, Công ty liên kết

♦ **Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt**

- Địa chỉ: 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh chính: nhà hàng tiệc cưới hội nghị, tổ chức sự kiện
- Vốn điều lệ: 3 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Timexco: 83,33%

♦ **Công ty liên kết: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 3/2**

- Địa chỉ: 40/10 đường Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh chính: bán buôn, bán lẻ thực phẩm, hàng may mặc, hóa mỹ phẩm, đồ dùng gia đình.
- Vốn điều lệ: 450.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Timexco: 20%

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

TIMEXCO luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động của Công ty, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh với trục chính là kinh doanh xăng dầu, phát triển đồng bộ các ngành kinh doanh khác như sắt thép, điện máy, xe máy, nhà hàng tiệc cưới, kết hợp với thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

2. Mục tiêu và định hướng phát triển đến năm 2022

- Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng phù hợp, thoái vốn những ngành hàng kinh doanh không hiệu quả, lợi thế cạnh tranh thấp, đầu tư phát triển ngành hàng kinh doanh chính là xăng dầu.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả của các CHXD, hướng đến mục tiêu cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Giữ vững an toàn và sức mạnh tài chính, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản; tăng cường công tác quản lý, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Duy trì xây dựng đoàn kết nội bộ, nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm cho cán bộ nhân viên, đào tạo đội ngũ bán hàng ngày càng chuyên nghiệp hơn nhằm gia tăng thị phần, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho NLĐ.

3. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Mở rộng thị trường, phát triển thêm hệ thống Cửa hàng bán lẻ xăng dầu và các đại lý tại địa bàn và các khu vực lân cận; phấn đấu đưa TIMEXCO ngày càng phát triển bền vững trên thương trường Việt Nam.

4. Mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng

Công ty luôn xem bảo vệ môi trường là trách nhiệm quan trọng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

4.1. Đối với NLĐ

Công ty thường xuyên đào tạo, nâng cao tay nghề cho NLĐ, luôn quan tâm động viên, khen thưởng, ghi nhận những đóng góp của NLĐ, gia tăng lợi ích cho NLĐ; đảm bảo môi trường làm việc ngày càng tốt hơn cho NLĐ, tăng cường sự gắn kết của NLĐ với Công ty; vận động tuyên truyền NLĐ nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng tiết kiệm hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước,...

4.2. Đối với khách hàng

Công ty luôn chú trọng đảm bảo uy tín thương hiệu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, chất lượng dịch vụ khách hàng ngày càng nâng cao, đảm bảo tạo ra sự thỏa mãn, hài lòng cho khách hàng.

4.3. Đối với đối tác, nhà cung cấp

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi và có trách nhiệm với môi trường, xã hội.

4.4. Đối với cổ đông

Minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

4.5. Đối với cơ quan Nhà nước

Tuân thủ các nghĩa vụ về thuế một cách đầy đủ, đúng thời hạn, tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

4.6. Đối với cộng đồng, địa phương

Công ty luôn có trách nhiệm và chung tay bảo vệ môi trường, cộng đồng: trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường, phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Tiếp tục thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

V. CÁC RỦI RO

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, giá dầu thô thường xuyên biến động, tác động đến tình hình kinh tế, tài chính trong nước, ảnh hưởng đến sức cầu của thị trường.

- Những thay đổi về chính sách của Nhà nước về tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối xăng dầu,... làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty.

- Thị trường kinh doanh các ngành hàng nói chung và kinh doanh xăng dầu nói riêng ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn.

- Rủi ro về cháy nổ luôn luôn tiềm ẩn đối với các CHXD; rủi ro do khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng cũng có thể xảy ra.

- Rủi ro về biến động, điều chỉnh giá xăng dầu do ảnh hưởng giá xăng dầu thế giới.

Để hạn chế tối đa các rủi ro trên, Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật thông tin thị trường và tình hình giá cả xăng dầu thế giới; theo dõi, cập nhật các chính sách của Nhà nước để đưa ra những giải pháp kinh doanh phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất; chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống chữa cháy bán tự động, hệ thống cảnh báo cháy tại các CHXD, thường xuyên kiểm tra, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho NLĐ, luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ; kiểm soát chặt chẽ công nợ, yêu cầu khách hàng ký quỹ mua hàng theo hợp đồng hoặc áp dụng hình thức bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng, đảm bảo tình hình tài chính Công ty lành mạnh.

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2016	NĂM 2017			
			KH	TH	%/KH	%/TH 2016
1. Doanh thu	Tỷ đồng	**2.007**	**1.740**	**2.294**	131,8	114,3
- Kinh doanh xăng dầu	"	1.675	1.437	1.984	138,0	118,4
- Kinh doanh, dịch vụ khác	"	332	303	310	102,3	93,4
2. Lợi nhuận trước thuế	"	**27,4**	**21**	**28,4**	135,2	103,6
3. Các khoản nộp NSNN	"	**20,6**		**22,3**		
4. Cổ tức	%	**11**	**10**	**11**	110,0	100,0

Trong năm, tình hình kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, mặc dù các ngành hàng Công ty kinh doanh đều bị canh tranh gay gắt của thị trường nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Ban Giám đốc Công ty cùng với sự nổ lực không ngừng của NLĐ nên Công ty vẫn đạt kế hoạch về các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

♦ **Ông Hoàng Đình Sơn: Giám đốc**
- Năm sinh: 18/6/1976
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  + Đại diện PVOIL sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

♦ **Bà Nghiêm Thị Thanh Mai: Phó Giám đốc**
- Năm sinh: 10/6/1982
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  + Đại diện PVOIL, sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

♦ **Ông Phạm Ngọc Minh: Phó Giám đốc**
- Năm sinh: 07/01/1960
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế
- Số cổ phiếu nắm giữ: 20.100 cổ phiếu (tỷ lệ 0,16%)
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 20.100 cổ phiếu
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

♦ **Ông Nguyễn Thanh Bình: Phó Giám đốc**

- Năm sinh: 20/5/1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 187.400 cổ phiếu (tỷ lệ 1,51%)
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 187.400 cổ phiếu
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

♦ **Ông Viên Thiên Khanh: Kế toán trưởng**

- Năm sinh: 01/01/1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán
- Số cổ phiếu nắm giữ: 16.350 cổ phiếu (tỷ lệ 0,13%)
  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 16.350 cổ phiếu
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

2. Những thay đổi trong HĐQT và BĐH

Trong năm 2017, Công ty không có sự thay đổi trong HĐQT và BĐH.

3. Chính sách đối với người lao động

3.1.Cơ cấu lao động

◊ Tổng số lao động Công ty: 367 người, trong đó:

- Cán bộ quản lý doanh nghiệp: 07 người
- Cán bộ quản lý khác: 19 người
- Công nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ, bảo vệ: 74 người
- Công nhân viên trực tiếp kinh doanh: 267 người.
- Số cán bộ nhân viên có trình độ Đại học và Cao đẳng là: 107 người.

◊ Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ: có 52 đảng viên
- Công đoàn cơ sở: có 334 đoàn viên công đoàn
- Đoàn cơ sở: có 78 đoàn viên thanh niên

3.2.Chính sách đối với người lao động

- Trong năm, Công ty đã tổ chức cho 893 lượt NLĐ tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, bao gồm học nghiệp vụ PCCC, nghiệp vụ kinh doanh

xăng dầu, Anh văn giao tiếp, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, ... với tổng chi phí là 372 triệu đồng.

- Thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở theo Nghị định số 60/2013-NĐ-CP, trong năm, Công ty đã tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp giữa NSDLĐ và NLĐ mỗi quý 01 lần, đã có 13 ý kiến của NLĐ được NSDLĐ đáp ứng và giải quyết.

- Công ty đã tổ chức cho NLĐ đi nghỉ mát làm nhiều đợt tại Hải Phòng, Đà Nẵng, Đà Lạt, Vũng Tàu, Phan Thiết, Hàn Quốc; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV Công ty năm 2017.

- Công ty thực hiện đúng chế độ, chính sách cho NLĐ theo quy định của pháp luật và chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ theo Thỏa ước lao động tập thể, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định. Đối với NLĐ trực tiếp kinh doanh tại CHXD và vận chuyển xăng dầu (tài xế, phụ xế xe tải bồn) còn được bồi dưỡng chế độ độc hại. Ngoài ra mỗi NLĐ vào ngày sinh nhật đều có quà tặng và NLĐ khi kết hôn đúng Luật Hôn nhân Gia đình được tặng quà theo đúng nội dung của Thỏa ước lao động tập thể.

- Tổ chức các hoạt động chăm lo, thăm hỏi NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi gia đình chính sách, CBNV nghỉ hưu; kịp thời trợ cấp khó khăn đột xuất cho NLĐ.

- Tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10): tặng quà và cho các nữ CBNV Công ty đi xem kịch tại nhà hát kịch Idecaf và sân khấu kịch Thế Giới Trẻ.

- Tặng quà cho các cháu là con của NLĐ nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu; tổ chức đêm hội trăng rằm cho các cháu; trao 13 suất học bổng Nguyễn Đức Cảnh và khen thưởng cho 110 cháu là con NLĐ có thành tích học tập khá, giỏi năm học 2016-2017.

- Vào ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12, hàng năm đều tổ chức họp mặt các đồng chí bộ đội, thanh niên xung phong, công an xuất ngũ đang làm việc tại Công ty.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Tình hình thực hiện công tác đầu tư

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện các dự án đầu tư sau:

- Đầu tư phần mềm kế toán quản trị doanh nghiệp;

- Cải tạo sửa chữa sân bãi, hàng rào CHXD số 18; xây hàng rào, san lấp mặt bằng khu đất cạnh CHXD số 12 để cho thuê;

- Cải tạo, sửa chữa các CHXD theo đề án 1114 của Tổng công ty Dầu Việt Nam và sửa chữa các điểm kinh doanh của Công ty;

- Tiếp tục chuyển nhượng quyền thực hiện dự án Cụm chung cư TMC tại khu đất số 27 đường số 9, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức;

- Đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng CHXD tại phường Phú Hữu, Quận 9.

- Lập thủ tục xin phép xây dựng mới CHXD tại 189 Xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, Quận 9 và Số 02 Tăng Nhơn Phú.

- Hoàn tất thủ tục thuê 01 CHXD tại Dĩ An, Bình Dương (CHXD Số 20) đưa vào hoạt động kinh doanh từ tháng 12 năm 2017.

2. Tình hình hoạt động của các Công ty con và Công ty liên kết

- **Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt:**

  - Doanh thu : 2.376.272.733 đồng
  - Lợi nhuận trước thuế : 701.172 đồng
  - Lợi nhuận sau thuế : 560.938 đồng

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	354.739.213.847	409.269.876.790	+15,4%
Doanh thu thuần	2.006.930.108.484	2.294.256.640.545	+14,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.385.375.274	27.882.189.703	+1,8%
Lợi nhuận khác	32.261.639	524.439.550	+1.525%
Lợi nhuận trước thuế	27.417.636.913	28.406.629.253	+3,6%
Lợi nhuận sau thuế	22.351.193.931	22.781.042.955	+1,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11%	11%	0%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	Lần	1,14	0,82	
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,34	0,30	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	46,93	52,03	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	88,44	108,45	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	19,46	17,23	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	5,66	5,61	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,11	0,99	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,87	11,6	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,30	5,57	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,37	1,24	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 28/02/2017		THỜI ĐIỂM 09/11/2017	
		SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/ VĐL (%)	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/ VĐL (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**12.286.639**	**99,08**	**12.288.859**	**99,10**
1	*Tổ chức*	*9.097.040*	*73,36*	*9.153.919*	*73,82*
1.1	PV OIL	6.325.730	51,01	6.325.730	51,01
1.2	SAIGON PETRO	1.847.160	14,89	1.847.160	14,89
1.3	CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SAI GON CO.OP	658.300	5,30	715.200	5,76
1.4	COMECO	264.752	2,14	264.752	2,14
1.5	Tổ chức khác	1.098	0,01	1.077	0,01
2	*Cá nhân*	*3.189.599*	*25,72*	*3.134.940*	*25,28*
II	**Cổ đông nước ngoài**	**113.361**	**0,91**	**111.141**	**0,90**
1	Tổ chức	9.600	0,07	7.600	0,06
2	Cá nhân	103.761	0,84	103.541	0,83
	Tổng cộng	**12.400.000**	**100**	**12.400.000**	**100**

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.400.000 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức không tăng vốn cổ phần trong năm 2017.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tại văn phòng Công ty và các điểm kinh doanh trực thuộc đều được trang bị các thùng rác có nhãn nhận biết loại rác sinh hoạt hay rác thải rắn nguy hại và được các đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CHXD, tổ chức đo kiểm chất thải, nước thải, đo kiểm các chỉ tiêu về vi khí hậu, môi trường làm việc tại các CHXD,... định kỳ mỗi năm 02 lần do cơ quan có thẩm quyền thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, lập báo cáo giám sát môi trường gửi về phòng Tài nguyên môi trường quận/huyện nơi có CHXD trực thuộc Công ty đang hoạt động.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

- Công ty quan tâm, tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho NLĐ mỗi năm một lần; trang bị bảo hộ lao động cho NLĐ trong Công ty bao gồm quần áo, giày, bao tay, nón vải, áo mưa,... vào 02 đợt mỗi năm. Trong năm 2017, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Định kỳ mỗi quý, Phòng Tổ chức Hành chính kết hợp với các Trưởng bộ phận tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại các CHXD, các đơn vị trực thuộc và báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Giám đốc Công ty.

3. Chăm lo sức khỏe cho NLĐ

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho NLĐ tại các bệnh viện uy tín để hỗ trợ NLĐ theo dõi và điều trị kịp thời nhằm đảm bảo sức khỏe làm việc ngày càng tốt hơn cho NLĐ.

- Đối với NLĐ trực tiếp kinh doanh tại các CHXD và vận chuyển xăng dầu (tài xế, phụ xế xe tải bồn) còn được bồi dưỡng sữa hàng tháng.

4. Đối với cộng đồng và xã hội

- Công ty đã thực hiện đầu tư, lắp đặt các đường ống công nghệ tại các CHXD theo đúng tiêu chuẩn an toàn và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, thực hiện xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

- Các CHXD trực thuộc Công ty đều bán xăng sinh học E5 và khuyến khích khách hàng sử dụng xăng sinh học E5, góp phần bảo vệ môi trường.

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Đánh giá tổng quan về kết quả kinh doanh năm 2017

Kinh tế, xã hội nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Trong năm 2017, kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá ổn định và nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc hơn, sức mua của thị trường cũng tăng khá hơn.

Trong năm 2017, kinh doanh xăng dầu có nhiều thuận lợi do mức chiết khấu được duy trì tương đối ổn định, bên cạnh đó Công ty đã tận dụng tốt các cơ hội tích lũy khi điều kiện thị trường thuận lợi để gia tăng lợi nhuận. Các ngành kinh doanh phụ khác như: điện máy, xe máy, sắt thép, nhà hàng tiệc cưới, vận tải, cho thuê mặt bằng,...mặc dù các năm gần đây doanh thu có chiều hướng suy giảm do ngày càng có nhiều đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề được mở mới trên cùng địa bàn nhưng Công ty vẫn cố gắng bằng nhiều giải pháp để duy trì mức lợi nhuận ổn định.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu tài chính đều đạt kế hoạch năm 2017.

- Trong năm, Công ty đã đưa vào hoạt động thêm 01 CHXD tại địa chỉ 1495 Quốc lộ 1K, phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Bình Dương.

- Đời sống và thu nhập của NLĐ ngày càng ổn định và được nâng cao hơn.

- Việc thực hiện Đề án 1114 của Tổng công ty Dầu Việt Nam tại các CHXD đã mang lại kết quả tốt hơn về mỹ quan, an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và chất lượng dịch vụ, góp phần tăng doanh số cho Công ty.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn phòng chống cháy nổ được đảm bảo.

- Năm 2017, Công ty được Đảng bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam công nhận là "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu"; được Công đoàn cấp trên

công nhận là "Công đoàn cơ sở vững mạnh, xuất sắc"; được Đoàn Tổng công ty Dầu Việt Nam công nhận là "Đoàn cơ sở vững mạnh".

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51,95	43,77
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48,05	56,23
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,93	52,03
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	%	91,02	96,99
Nợ dài hạn/Nợ phải trả	%	8,98	3,01
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,07	47,97
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,22	0,87
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,30

2. Tình hình nợ phải trả

- Tổng các khoản phải trả người bán ngắn hạn, vay ngắn hạn ngân hàng, phải trả khác là 130.847.090.625 đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

Dự đoán năm 2018 thị trường dầu thô thế giới vẫn còn nhiều biến động. Căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2017, trên tinh thần cẩn trọng, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2018 tương đương thực hiện năm 2017 và loại bỏ các yếu tố bất thường ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh với các chỉ tiêu và nhiệm vụ chính như sau:

1. Các chỉ tiêu chính

- Doanh thu : 1.808 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 22 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 17,6 tỷ đồng

2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2018

2.1 Về phát triển hệ thống kinh doanh

- Phát triển ít nhất là 1 CHXD mới.

- Tiếp tục thực hiện tốt đề án 1114 của Tổng công ty nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, hiệu quả kinh doanh, tăng tính cạnh tranh, hợp lý hóa khâu bán lẻ, tạo mọi điều kiện cho Cửa hàng tiếp xúc nhiều khách hàng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng với phương châm "đúng chất lượng, số lượng, thanh toán linh hoạt".

- Chiến lược bán hàng cho đại lý, khách hàng công nghiệp có nhiều ưu đãi, cạnh tranh, tăng cường tiếp thị, quảng cáo, quảng bá thương hiệu bằng nhiều hình thức.

2.2 *Về tài chính*

- Thực hiện cân đối lại cơ cấu nguồn vốn và tài sản, theo đó sẽ tiếp tục xem xét thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư ra bên ngoài có hiệu quả thấp và thanh lý, chuyển nhượng những tài sản không mang lại hiệu quả khai thác cao.

- Tiếp tục thực hiện việc tiết kiệm chi phí kinh doanh thông qua các hình thức khoán chi phí cho các bộ phận, đơn vị kinh doanh.

Tăng cường giảm thiểu rủi ro về công nợ bán hàng, chấp hành nghiêm Quy chế quản lý tài chính và quản lý công nợ của Công ty.

2.3 *Về tổ chức*

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho NLĐ, giúp NLĐ sớm nắm bắt được các thay đổi về chính sách chế độ, quy định của Nhà nước, cũng như những thay đổi về công nghệ để tăng hiệu quả các công việc được giao.

- Duy trì các chính sách phúc lợi, lương, thưởng hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao đời sống NLĐ.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

1. Bảo vệ môi trường

- Vận động, tuyên truyền CBNV Công ty sử dụng năng lượng hiệu quả tại tòa nhà văn phòng và các điểm kinh doanh thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; giảm thiểu các hoạt động

gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe con người.

- Giảm thiểu rác thải tại nơi làm việc.

- Thực hiện tốt phong trào trồng cây xanh tại các cửa hàng, văn phòng làm việc nhằm góp phần giảm tác động của biến đổi khí hậu.

2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Năm 2017, Công ty đã đóng góp ủng hộ công tác xã hội với tổng số tiền là 1.245.206.000 đồng: ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt; ủng hộ quỹ PVOIL chung một tấm lòng, hỗ trợ hoạt động của Hội Cựu chiến binh; ủng hộ quỹ Vì người nghèo; trợ cấp thường xuyên cho 06 gia đình chính sách, tặng quà và hỗ trợ quỹ đền ơn đáp nghĩa, hội khuyến học quận Thủ Đức, tặng quà cho NLĐ nghỉ hưu và gia đình chính sách; trợ cấp khó khăn đột xuất cho NLĐ; tham gia thực hiện nhắn tin ủng hộ chương trình "Nghĩa tình Hoàng Sa- Trường Sa"; đoàn viên công đoàn và NLĐ tham gia hiến máu tình nguyện năm 2017 do Liên đoàn Lao động quận Thủ Đức phát động; Đoàn Công ty kết hợp với Đoàn PVOIL Sài Gòn tổ chức tặng 50 phần quà trị giá 15 triệu đồng cho gia đình chính sách tại xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, trong chuyến đi về nguồn tại Long An.

3. Phát triển nguồn nhân lực

3.1. Đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm

- Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

- Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn chuyên đề để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBNV, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về an toàn lao động- môi trường- PCCC.

3.2. Chính sách đối với NLĐ

Công ty không ngừng cải thiện môi trường làm việc, duy trì các chính sách phúc lợi và thu nhập tốt cho NLĐ, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ có mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, thân thiện, bình đẳng, hợp tác vì sự phát triển chung của Công ty.

- **Lương thưởng:**

Công ty luôn quan tâm và cải tiến chế độ tiền lương, thưởng cho NLĐ, khen thưởng động viên kịp thời cho các cá nhân và tập thể đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLĐ và thưởng cho các danh hiệu thi đua vào 6 tháng và cuối năm.

Công ty trả lương hàng tháng cho NLĐ theo 02 đợt như sau:

- Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 15-20 của tháng;

- Đợt 2: thanh toán tiền lương vào ngày cuối tháng.

- **Bảo hiểm:**

Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho NLĐ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời giải quyết các chế độ về thai sản, ốm đau, trợ cấp thôi việc,... cho NLĐ trong Công ty. Trong năm, không có trường hợp khiếu nại về chế độ, chính sách.

- **Phúc lợi:**

Đời sống vật chất và tinh thần của NLĐ ngày càng được nâng cao. Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho CBNV đi tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước; tặng quà cho con CBNV Công ty vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu; tặng quà cho NLĐ khi kết hôn, sinh nhật,...

4. Phát huy dân chủ

Thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở theo Nghị định số 60/2013-NĐ-CP, định kỳ hàng quý, Công ty tổ chức Hội nghị đối thoại giữa NSDLĐ và NLĐ. Hội nghị NLĐ cũng được tổ chức định kỳ hàng năm, qua đó Công ty nắm bắt được những tâm tư, nguyện vọng của NLĐ để kịp thời chia sẻ, giải đáp những thắc mắc của NLĐ, đảm bảo quyền lợi cho NLĐ ngày càng tốt hơn.

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017, tình hình kinh tế xã hội trong và ngoài nước có nhiều diễn biến phức tạp, thị trường trong nước ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn, nhưng với sự nổ lực của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, TIMEXCO đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ đề ra.

Việc tăng cường công tác quản lý công nợ khách hàng đã hạn chế được các rủi ro, đảm bảo an toàn về mặt tài chính cho Công ty.

Các chế độ, chính sách về tiền lương, thưởng cho NLĐ thường xuyên được cải tiến làm gia tăng năng suất lao động và cải thiện thu nhập cho NLĐ. Ban lãnh đạo Công ty cũng luôn quan tâm thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2017, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Định kỳ hàng tháng, hàng quý Giám đốc Công ty báo cáo cho HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động của Ban Giám đốc luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và Điều lệ của Công ty. Ban Giám đốc đã nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2017.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT TRONG NHIỆM KỲ 2013-2018

Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã có sự nổ lực trong việc đề ra những chính sách, chiến lược đúng đắn trong những thời điểm khó khăn để đưa Công ty vượt qua những thách thức, hoàn thành kế hoạch kinh doanh hàng năm. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý một lần. Ngoài các cuộc họp thường kỳ, HĐQT cũng đã thông qua lấy ý kiến bằng văn bản một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc tham dự để nghe thảo luận và triển khai thực hiện các chủ trương của Hội đồng quản trị.

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát hoạt động của các thành viên BĐH. HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BĐH Công ty thực hiện hoàn

thành kế hoạch kinh doanh hàng năm, duy trì mức cổ tức ổn định cho cổ đông, tăng thu nhập cho NLĐ.

Trong nhiệm kỳ cũng đã có nhiều lần thay đổi nhân sự trong HĐQT và BĐH do sự sắp xếp nhân sự của các cổ đông lớn (tổ chức đề cử người tham gia thành viên Hội đồng quản trị). Mặc dù vậy, các Thành viên HĐQT và BĐH vẫn hoạt động đều tay.

Trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, Ban Giám đốc luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, không để xảy ra rủi ro về các mặt hoạt động của Công ty.

IV. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để chỉ đạo và hỗ trợ BĐH Công ty phát triển kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển và củng cố vị thế, nâng cao năng lực cạnh tranh tạo nền tảng cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý và đội ngũ nhân sự của Công ty, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, tăng thu nhập cho NLĐ, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và đối tác; tiếp tục tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và cộng đồng.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên:

- **Ông MA ĐỨC TÚ : Chủ tịch HĐQT chuyên trách**
  - Năm sinh: 10/11/1958
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 390.100 cổ phiếu (tỷ lệ 3,15%)

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 390.100 cổ phiếu
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

- **HOÀNG ĐÌNH SƠN: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**
  - Năm sinh: 18/6/1976
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  + Đại diện PVOIL, sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

- **Ông ĐỖ TRUNG THÀNH: Ủy viên HĐQT** (Thành viên không điều hành)
  - Năm sinh: 10/9/1962
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế công nghiệp
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 1.847.160 cổ phiếu

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  + Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO), sở hữu: 1.847.160 cổ phiếu (tỷ lệ 14,89%)

- **Ông NGUYỄN QUỐC CƯỜNG: Ủy viên HĐQT**(Thành viên không điều hành)
  - Năm sinh: 06/10/1980
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

- **Bà NGHIÊM THỊ THANH MAI: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**
  - Năm sinh: 10/6/1982
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

  Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
  + Đại diện PVOIL sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT

2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển: gồm có 05 thành viên

- Trưởng ban: Ông HOÀNG ĐÌNH SƠN – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
  - Ông Đào Quang Minh – Trưởng phòng Kinh doanh
  - Ông Viên Thiên Khanh – Kế toán trưởng
  - Ông Ngô Minh Thắng – Phó phòng Kinh doanh
  - Ông Đinh Trung Dũng – Chuyên viên phòng Đầu tư

2.2. Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng: gồm có 03 thành viên

- Trưởng ban: Bà NGHIÊM THỊ THANH MAI – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
  - Ông Đặng Quế Sơn – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
  - Bà Nguyễn Thị Mai – Phó phòng Tổ chức Hành chính

3. Hoạt động của HĐQT

- Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017 và công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc trên cơ sở xem xét các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý để qua đó có những chỉ đạo kịp thời với Ban Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Giám sát Ban Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty thông qua việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp với nội dung chính như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1	01/NQ-TMC-HĐQT	08/02/2017	Nghị quyết HĐQT thông qua lịch trình, nội dung và chương trình tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017.
2	02/NQ-TMC-HĐQT	08/02/2017	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2017.
3	04/NQ-TMC-HĐQT	21/02/2017	Nghị quyết về công tác cán bộ: bổ nhiệm lại một số chức danh, điều động, luân chuyển, phân công lại các cán bộ (ông Đặng Quế Sơn, bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, ông Lê Quang Vinh, ông Đào Quang Minh, bà Nguyễn Ngọc Thanh).
4	07/NQ-TMC-ĐHĐCĐ	31/03/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
5	09/NQ-TMC-HĐQT	20/04/2017	Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017.
6	10A/NQ-TMC-HĐQT	26/06/2017	Nghị quyết HĐQT về việc kiện toàn nhân sự cho 02 tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.
7	12/NQ-TMC-HĐQT	27/09/2017	Nghị quyết HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017.
8	13/NQ-TMC-HĐQT	27/09/2017	Nghị quyết HĐQT về việc giao kế hoạch quỹ lương Người lao động và quỹ lương Cán bộ quản lý năm 2017.

Năm 2017, HĐQT Công ty đã tổ chức 05 cuộc họp để thảo luận và thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động; đưa ra các quyết định về các vấn đề quan trọng khác của Công ty nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HĐQT thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và bám sát tình hình thực tế của Công ty để có chỉ đạo kịp thời. HĐQT cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ điều hành Công ty.

5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2017, các Tiểu ban của HĐQT đã thường xuyên phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá tình hình kinh tế thị trường trong và ngoài nước, tình

hình hoạt động kinh doanh của Công ty để tham mưu cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết định về kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Công ty.

Các tiểu ban đã phối hợp với các Phòng ban, các bộ phận liên quan để rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định; tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty; tham mưu cho HĐQT ban hành các chính sách về lương, thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

- **Ông NGUYỄN ANH TUẤN : Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách**
  - Năm sinh: 04/3/1981
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

- **Ông VÕ TUẤN HÀO : Kiểm soát viên**
  - Năm sinh: 10/5/1976
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO)
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

- **Bà NGUYỄN THỊ MỸ DUNG : Kiểm soát viên**
  - Năm sinh: 23/4/1979
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ: Giám đốc Siêu thị Điện máy 30-4 trực thuộc Công ty.
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 4.600 cổ phiếu (tỷ lệ 0,03%)

    Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phiếu

    + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

2. Hoạt động của BKS năm 2017

BKS đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, kiểm soát trong năm 2017 với một số nội dung cụ thể sau:

- Rà soát đánh giá việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc; thẩm tra các báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ, hồ sơ tài liệu từ các Phòng ban; xem xét, đánh giá việc thực hiện quản lý công nợ khách hàng để qua đó có những kiến nghị kịp thời với HĐQT và BĐH.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao năm 2017 đã chi cho HĐQT và BKS theo mức được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Tổng thù lao HĐQT và BKS năm 2017 là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Họ tên	Chức danh	Tại thời điểm 31/12/2016		Tại thời điểm 31/12/2017	
			Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I. Hội đồng quản trị						
1	Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch HĐQT	390.100	3,15%	390.100	3,15%
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)			**6.325.730**	**51,01%**	**6.325.730**	**51,01%**
	Trong đó:					
2	Ông Nguyễn Hữu Thành (Đại diện PVOIL)	Người Đại diện vốn PVOIL	2.605.730	21,01%	2.605.730	21,01%
3	Ông Hoàng Đình Sơn (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	1.860.000	15,00%	1.860.000	15,00%
4	Bà Nghiêm Thị Thanh Mai (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	1.860.000	15,00%	1.860.000	15,00%
5	Ông Nguyễn Quốc Cường (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	0	0	0	0

Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO)			**1.847.160**	**14,89%**	**1.847.160**	**14,89%**
6	Ông Đỗ Trung Thành	Ủy viên HĐQT				
	- Đại diện SAIGON PETRO		1.847.160	14,89%	1.847.160	14,89%
	- Sở hữu cá nhân		0	0	0	0
II. Ban Kiểm soát						
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn (Đại diện PVOIL)	Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Võ Tuấn Hào (Đại diện SAIGON PETRO)	Kiểm soát viên	0	0	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kiểm soát viên	4.600	0,03%	4.600	0,03%
III. Ban Điều hành						
1	Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc				
2	Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc				
3	Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	20.100	0,16%	20.100	0,16%
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	187.400	1,51%	187.400	1,51%
5	Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng-Người CBTT	16.350	0,13%	16.350	0,13%
IV. Người có liên quan tới cổ đông nội bộ			117.125	0,94%	112.725	0,90%

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hoàng Đình Sơn

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phổ Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel:+84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com

Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 – 38
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	39 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

- ***Trụ sở chính***
  - Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819
  - Fax : + 84 (28) 38 963 210
  - Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6
- ***Thông tin về chi nhánh***
  1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;
  2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;
  3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;
  4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;
  5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;
  6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;
  7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;
  8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;
  9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;
  10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;
  11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mả số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Trạm xăng dầu số 9 tại 22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-043; hạch toán phụ thuộc;
27. Trạm rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc;
29. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;
30. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
31. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.
32. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc;
33. Cửa hàng xăng dầu số 20 tại 1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-016 ; hạch toán phụ thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	11/05/2016	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	30/03/2013	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	25/11/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Thành viên	25/11/2016	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	-
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	-

4.3 Ban Điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 40.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) năm trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

TM. Hội đồng quản trị

MA ĐỨC TÚ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES®)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng: 156-158 Phổ Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel: +84 (28) 3999 00 91~97 *Fax: +84 (28) 3999 00 90*
Email: contact@vietvalues.com *Website: www.vietvalues.com*

Số: 2024/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2018, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Kết quả kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt *(VIETVALUES)*

M.S.D.N: 0303128175 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Ths.Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc	**Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0851-2018-071-1	*Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1*

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu VIETVALUES*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**179.146.507.884**	**184.276.062.485**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**29.742.401.636**	**16.910.139.232**
111	1. Tiền		29.742.401.636	16.910.139.232
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	V.2a	**9.013.019.614**	**11.126.514.998**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		15.764.380.078	22.753.592.764
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.751.360.464)	(11.627.077.766)
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**19.071.481.948**	**15.803.399.259**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	15.253.856.377	14.085.372.484
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.834.994.387	1.374.221.795
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	982.631.184	343.804.980
140	**IV. Hàng tồn kho**	V.6	**116.584.657.203**	**133.091.566.709**
141	1. Hàng tồn kho		116.672.933.258	133.174.312.105
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(88.276.055)	(82.745.396)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**4.734.947.483**	**7.344.442.287**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		58.290.002	42.400.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.658.783.473	7.302.042.287
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		17.874.008	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**230.123.368.906**	**170.463.151.362**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**176.081.235.410**	**144.367.490.725**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	64.577.738.421	67.072.552.324
222	*- Nguyên giá*		*133.642.688.456*	*127.719.984.422*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(69.064.950.035)*	*(60.647.432.098)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	111.503.496.989	77.294.938.401
228	*- Nguyên giá*		*125.774.499.803*	*89.703.039.803*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(14.271.002.814)*	*(12.408.101.402)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	V.9	**8.424.973.574**	**8.911.029.746**
231	*- Nguyên giá*		*13.127.813.323*	*13.127.813.323*
232	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(4.702.839.749)*	*(4.216.783.577)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**41.803.157.483**	**15.529.135.810**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	41.803.157.483	15.529.135.810
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		**90.000.000**	**90.000.000**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2b	90.000.000	90.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	
	VI. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI			
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**3.724.002.439**	**1.565.495.081**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	3.009.407.185	793.584.743
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	609.649.985	646.975.505
269	4. Lợi thế thương mại	V.13	104.945.269	124.934.833
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**409.269.876.790**	**354.739.213.847**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**212.932.613.941**	**166.375.564.868**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**206.533.475.113**	**151.541.952.460**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	59.005.933.698	69.649.142.938
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	56.271.800.205	10.517.336.725
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	1.681.531.845	1.370.360.668
314	4. Phải trả người lao động		14.145.353.909	18.620.332.843
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	1.136.993.016	1.106.558.771
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	5.049.156.927	6.031.256.985
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19b	66.792.000.000	41.950.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.450.705.513	2.296.963.530
330	**II. Nợ dài hạn**		**6.399.138.828**	**14.833.612.408**
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20	3.590.789.342	5.745.262.922
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.18b	71.349.486	7.771.349.486
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	V.21	2.737.000.000	1.317.000.000
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**196.337.262.849**	**188.363.648.979**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	V.22	**196.337.262.849**	**188.363.648.979**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*124.000.000.000*	*124.000.000.000*
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		24.059.932.101	19.820.641.422
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.319.116.144	16.563.766.563
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*4.900.341.412*	*6.008.845.023*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*15.418.774.732*	*10.554.921.540*
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		500.093.508	521.119.898
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**409.269.876.790**	**354.739.213.847**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG	VIÊN THIÊN KHANH	HOÀNG ĐÌNH SƠN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**2.294.256.640.545**	**2.006.930.108.484**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.294.256.640.545**	**2.006.930.108.484**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.150.948.043.273	1.868.966.974.005
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**143.308.597.272**	**137.963.134.479**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.285.303.805	19.786.726.708
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	(985.476.873)	12.304.058.277
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*465.365.521*	*339.526.383*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	83.063.029.801	81.263.981.575
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	36.634.158.446	36.796.446.061
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**27.882.189.703**	**27.385.375.274**
31	12. Thu nhập khác		699.200.935	639.059.891
32	13. Chi phí khác		174.761.385	606.798.252
40	**14. Lợi nhuận khác**		**524.439.550**	**32.261.639**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.406.629.253**	**27.417.636.913**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	5.625.586.298	5.117.048.713
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(50.605.731)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**22.781.042.955**	**22.351.193.931**
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		22.780.949.447	22.312.056.204
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		93.508	39.137.727
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	VI.7	**1.479**	**1.448**
71	**20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	VI.8	**1.479**	**1.448**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG	VIÊN THIÊN KHANH	HOÀNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**28.406.629.253**	**27.417.636.913**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		**5.282.162.623**	**7.926.818.202**
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		10.766.475.521	10.857.048.444
03	- Các khoản dự phòng		(4.870.186.643)	(460.381.997)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.079.491.776)	(6.130.012.212)
06	- Chi phí lãi vay		465.365.521	339.526.383
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	3.320.637.584
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**33.688.791.876**	**35.344.455.115**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(585.382.799)	(30.442.186.561)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		16.501.378.847	(74.024.762.682)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		21.457.431.374	37.059.439.797
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.231.712.444)	420.190.810
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		6.989.212.686	12.007.967.398
14	- Tiền lãi vay đã trả		(434.931.276)	(314.076.244)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.294.361.406)	(5.103.380.898)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.120.000	15.404.988.031
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.720.241.422)	(12.681.701.377)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***65.372.305.436***	***(22.329.066.611)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(68.268.185.707)	(14.502.742.435)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.079.491.776	1.626.287.500
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(67.188.693.931)***	***(12.876.454.935)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		269.413.500.000	304.958.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(244.571.500.000)	(265.584.911.714)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.193.349.101)	(17.360.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***14.648.650.899***	***22.013.088.286***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		**12.832.262.404**	**(13.192.433.260)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**16.910.139.232**	**30.102.572.492**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	V.1	**29.742.401.636**	**16.910.139.232**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG	VIÊN THIÊN KHANH	HOÀNG ĐÌNH SƠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt (sau đây gọi là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 1 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đăng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm kế toán Công ty có 370 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 374 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không

giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.

- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.

- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.

- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính lả những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	11.386.357.607	3.537.493.425
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.719.303.429	13.157.515.807
- Tiền đang chuyển	636.740.600	215.130.000
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	**29.742.401.636**	**16.910.139.232**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	1.076.032.115	1.076.032.115	-	1.076.032.115	1.147.250.000	-
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	585.538.344	-	585.538.344	1.096.500.000	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	1.814.396.455	1.036.750.000	(777.646.455)	4.932.925.254	1.431.432.000	(3.501.493.254)
- Tổng Công ty CP Phong Phú (PPH)	846.000.000	846.000.000		846.000.000	846.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	226.179	64.250	(161.929)	1.975.220.000	412.634.250	(1.562.585.750)
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)	678.026.087	187.530.001	(490.496.086)	678.026.087	250.040.000	(427.986.087)
- Công ty CP Thép Việt Nam (TVN)	555.500.000	412.720.000	(142.780.000)	2.020.000.000	1.460.000.000	(560.000.000)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long	608.289.898	49.749.999	(558.539.899)	611.346.631	70.000.000	(541.346.631)
- Công ty CP Thép Biên Hòa	-	-	-	428.133.333	153.790.000	(274.343.333)
- Công ty CP Dệt Việt Thắng [(i)]	677.500.000	677.500.000	-	677.500.000	677.500.000	-
- Công ty Cp Dệt Đông Á	897.500.000	-	(897.500.000)	897.500.000	-	(897.500.000)
- Công ty CP XNK Vĩnh Long	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec	4.186.371.000	641.134.905	(3.545.236.095)	4.186.371.000	663.548.289	(3.522.822.711)
- Công ty CP Pvoil Sài Gòn [(i)]	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	**15.764.380078**	**9.013.019.614**	**(6.751.360.464)**	**22.753.592.764**	**11.708.694.539**	**(11.627.077.766)**

[(i)] Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Thép Povina giảm do bán bớt 111.720 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 3.118.528.799 đồng.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín giảm do bán hết 43.660 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 1.974.993.821 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Nam giảm do bán bớt 146.400 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 1.464.500.000 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Lương thực Vĩnh Long giảm do bán bớt 500 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 3.056.733 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(11.627.077.766)	(12.009.456.947)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(412.208.133)
Hoàn nhập dự phòng	4.875.717.302	794.587.314
Số cuối năm	**(6.751.360.464)**	**(11.627.077.766)**

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	***90.000.000***	***90.000.000***	-	***90.000.000***	***90.000.000***	-
- CTY TNHH Ba tháng hai(*)	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Cộng	**90.000.000**	**90.000.000**	-	**90.000.000**	**90.000.000**	-

(*) Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 90.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 90.000.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ). Hàng tháng, Công ty nhận mức lãi cố định từ Công ty TNHH Ba Tháng Hai với số tiền là 1.200.000 đồng/tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là khoản phải thu bán xăng dầu cho khách hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	***15.253.856.377***	***14.085.372.484***
- Công ty CP Vận tải Transimex	779.685.560	276.833.100
- Công ty TNHH Vận tải TM DV Nam Trung Bắc	684.327.019	522.747.459
- Công ty TNHH Frieslandcampina Việt Nam	461.119.963	600.969.600
- Khác	13.328.723.835	12.684.822.325
Cộng	**15.253.856.377**	**14.085.372.484**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	***2.834.994.387***	***1.374.221.795***
- Công ty Honda Việt Nam – Chi nhánh TP HCM	1.322.741.413	674.961.730
- Công ty TNHH Kiến trúc Quy hoạch Sài Gòn Gia Định	524.700.000	524.700.000
- Khác	987.552.974	174.560.065
Cộng	**2.834.994.387**	**1.374.221.795**

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***982.631.184***	-	***343.804.980***	-
- Phải thu Honda Việt Nam	27.887.500	-	15.056.180	-
- Ký quỹ ngắn hạn	225.196.800	-	171.948.800	-
- Tạm ứng ngắn hạn	6.000.000	-	152.500.000	-
- Phải thu khác	723.546.884	-	4.300.000	-
Cộng	**982.631.184**	-	**343.804.980**	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	132.245.048	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Hàng hóa(*)	116.540.688.210	(88.276.055)	133.042.067.057	(82.745.396)
Cộng	**116.672.933.258**	**(88.276.055)**	**133.174.312.105**	**(82.745.396)**

(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu, xe máy, điện máy gia dụng.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	90.065.658.916	20.085.129.004	16.777.649.708	791.546.794	127.719.984.422
Mua trong năm	-	679.830.400	-	131.546.725	811.377.125
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.692.129.909	1.419.197.000	-	-	5.111.326.909
Số cuối năm	**93.757.788.825**	**22.184.156.404**	**16.777.649.708**	**923.093.519**	**133.642.688.456**
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35.820.724.914	14.732.078.789	9.450.062.426	644.565.969	60.647.432.098
Khấu hao trong năm	4.261.948.214	2.474.750.748	1.589.355.263	91.463.712	8.417.517.937
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**40.082.673.128**	**17.206.829.537**	**11.039.417.689**	**736.029.681**	**69.064.950.035**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	54.244.934.002	5.353.050.215	7.327.587.282	146.980.825	67.072.552.324
Số cuối năm	**53.675.115.697**	**4.977.326.867**	**5.738.232.019**	**187.063.838**	**64.577.738.421**

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.205.670.033 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 5.245.728.502 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	20.118.319.636	69.238.100.167	346.620.000	89.703.039.803
Mua trong năm	36.071.460.000	-	-	36.071.460.000
Số cuối năm	**56.189.779.636**	**69.238.100.167**	**346.620.000**	**125.774.499.803**
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	12.100.908.078	307.193.324	12.408.101.402
Khấu hao trong năm	-	1.823.474.736	39.426.676	1.862.901.412
Số cuối năm	**-**	**13.924.382.814**	**346.620.000**	**14.271.002.814**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	20.118.319.636	57.137.192.089	39.426.676	77.294.938.401
Số cuối năm	**56.189.779.636**	**55.313.717.353**	**-**	**111.503.496.989**

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 346.620.000 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay:13.496.362.622 đồng.

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	13.127.813.323	13.127.813.323
Mua mới trong năm	-	-
Số cuối năm	**13.127.813.323**	**13.127.813.323**
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	4.216.783.577	4.216.783.577
Khấu hao trong năm	486.056.172	486.056.172
Số cuối năm	**4.702.839.749**	**4.702.839.749**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	8.911.029.746	8.911.029.746
Số cuối năm	**8.424.973.574**	**8.424.973.574**

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 976.409.097 đồng.

- Giá trị còn lại của các TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay: 8.424.973.574 đồng.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có các quy định về việc xác định giá trị hợp lý.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	3.483.402.566	8.424.973.574
- Kho 60/6 Truông Tre	924.571.597	924.571.597	-
- Cửa hàng 2/9 chợ Bà Chiểu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	**13.127.813.323**	**4.459.811.663**	**8.424.973.574**

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Chung cư 27 đường số 9, Linh Xuân [1]	1.624.353.483	39.591.184.000	-	-	41.215.537.483
- Phần mềm kế toán	-	587.620.000	-	-	587.620.000
- Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú	7.001.498.600	-	-	(7.001.498.600)	-
- Sửa chữa, cải tạo nền sân CHXD số 5	2.492.584.545	-	(2.492.584.545)	-	-
- Thiết bị vật tư cho các cửa hàng XD	1.793.440.000	-		(1.793.440.000)	-
- Màn hình Led	832.956.000	-	(832.956.000)		-
- Trang thiết bị nhà bếp 746	770.295.000	-	(218.241.000)	(552.054.000)	-
- Màn hình Led	832.956.000	-	(832.956.000)		-
- Trang thiết bị nhà bếp 746	770.295.000	-	(218.241.000)	(552.054.000)	-
- Đồ dùng nhà bếp 746	632.190.000	-	-	(632.190.000)	-
- Sửa chữa, cải tạo nền sân CHXD số 18	-	1.081.236.364	(1.081.236.364)	-	-
Cộng	**15.529.135.810**	**41.746.349.364**	**(5.111.326.909)**	**(10.361.000.782)**	**41.803.157.483**

[1] Dự án này có chủ trương nhượng bán theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-TMC-HĐQT ngày 20/01/2016. Hiện nay, dự án này đang trong quá trình chờ xác nhận cho phép chuyển nhượng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	1.677.783.436	461.931.893
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.331.623.749	331.652.850
Cộng	**3.009.407.185**	**793.584.743**

Tình hình biến động chi phí trả trước:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	793.584.743	1.121.606.192
Tăng trong năm	3.313.462.727	270.366.864
Phân bổ trong năm	(1.097.640.285)	(378.842.865)
Số cuối năm	**3.009.407.185**	**793.584.743**

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh[*]	609.649.985	646.975.505
Cộng	**609.649.985**	**646.975.505**

[*] Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận cố định hàng tháng với số tiền là 174.486.364 đồng (tổng lợi ích đã ghi nhận trong năm là 2.093.836.368 đồng).

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	124.934.833	-	(19.989.564)	104.945.269
Cộng	**124.934.833**	**-**	**(19.989.564)**	**104.945.269**

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***40.985.780.000***	***41.131.581.000***
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. HCM	*29.663.780.000*	*14.862.980.000*
- Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Sài Gòn	11.322.000.000	26.268.601.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	***18.020.153.698***	***28.517.561.938***
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	400.316.049	1.239.783.037
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	2.158.903.849	954.648.125
- Công ty CP Tập đoàn Điện lạnh, Điện máy Việt Úc	326.797.966	766.777.887
- Khác	15.134.135.834	25.556.352.889
Cộng	**59.005.933.698**	**69.649.142.938**

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	***56.177.982.131***	***10.517.336.725***
- Đinh Thanh Hải, Phạm Phong Vũ và Công ty CP Tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân (*)	54.091.184.000	7.500.000.000
- Công ty TNHH Trạm Xăng dầu An Phước 2	132.528.392	383.375.697
- Khác	2.048.087.813	2.633.961.028
Cộng	**56.271.800.205**	**10.517.336.725**

(*) Là khoản tiền trả trước trong việc nhận chuyển nhượng Cụm chung cư phức hợp tại 27 đường 09, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức theo Thỏa thuận ngày 20/12/2017 được ký kết giữa Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (bên chuyển nhượng), ông Đinh Thanh Hải, ông Phạm Phong Vũ (cùng là bên nhận chuyển nhượng) và Công ty CP Tập đoàn Địa ốc Vạn Xuân (bên kế thừa lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ của ông Đinh Thanh Hải, ông Phạm Phong Vũ) (. Việc chuyển nhượng đang trong quá trình chờ xác nhận cho phép chuyển nhượng của của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	35.566.875	-	12.254.418.496	(12.198.907.606)	91.077.765	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.070.150.158	-	5.718.840.285	(5.294.361.406)	1.512.503.045	17.874.008
- Thuế thu nhập cá nhân	264.643.635	-	2.252.187.664	(2.438.880.264)	77.951.035	-
- Thuế môn bài	-	-	37.000.000	(37.000.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	2.115.620.775	(2.115.620.775)	-	-
Cộng	**1.370.360.668**	**-**	**22.378.067.220**	**(22.084.770.051)**	**1.681.531.845**	**17.874.008**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	**Năm nay**	**Năm trước**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.406.629.247	27.417.636.913
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	194.503.780	377.382.887
- Các khoản điều chỉnh giảm	(473.201.550)	(2.209.776.223)
Thu nhập chịu thuế	28.127.931.477	25.585.243.577
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông	5.625.586.298	5.117.048.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế TNDN nộp thay cho bên liên doanh	93.253.987	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	**5.718.840.285**	**5.117.048.715**

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
- Tiền thuê đất phải trả	1.081.108.632	1.081.108.632
- Lãi vay phải trả	55.884.384	25.450.139
Cộng	**1.136.993.016**	**1.106.558.771**

18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	**Số đầu năm**
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***5.049.156.927***	***6.031.256.985***
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.852.685.806	3.769.000.006
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.196.471.121	2.262.256.979
Cộng	**5.049.156.927**	**6.031.256.985**

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	*71.349.486*	*7.771.349.486*
- Công ty TNHH TM và ĐT Sông Tiền	-	7.700.000.000
- Vốn góp của Liên doanh Long Bình (*)	71.349.486	71.349.486
Cộng	**71.349.486**	**7.771.349.486**

(*) Là khoản nhận vốn góp liên doanh của Nguyễn Thị Nghiệp theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***66.792.000.000***	***66.792.000.000***	***41.950.000.000***	***41.950.000.000***
- NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn (1)	34.792.000.000	34.792.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quận 9 (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	29.950.000.000	29.950.000.000
- NH TMCP Đầu tư Phát triển – CN Đông Sài Gòn (3)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Cộng	**66.792.000.000**	**66.792.000.000**	**41.950.000.000**	**41.950.000.000**

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 150/2017-HĐCVHM/NHCT946-Timexco ngày 19 tháng 06 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn; Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng 06/2015-HĐTDHM/NHT946-Timexco ngày 23 tháng 06 năm 2015); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 2.437.403.946 đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 2.300.878.928 đồng.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0439/QU9.KH/LD16 ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 9; Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng thế chấp cho khoản vay này là 11.233.298.130 đồng.

(3) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/361031/HĐTD ngày 16 tháng 05 năm 2017 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Đông Sài Gòn; Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay: tùy từng lần nhận nợ. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp cho khoản vay là 11.195.483.694 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	41.950.000.000	269.413.500.000	(244.571.500.000)	66.792.000.000
Cộng	**41.950.000.000**	**269.413.500.000**	**(244.571.500.000)**	**66.792.000.000**

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	*3.590.789.342*	*5.745.262.922*
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	3.590.789.342	5.745.262.922
Cộng	**3.590.789.342**	**5.745.262.922**

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản trích chi phí phải trả về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016.

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51.01	63.257.300.000	51.01
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.271.100.000	34,09
Cộng	**124.000.000.000**	**100,00**	**124.000.000.000**	**100,00**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	124.000.000.000	124.000.000.000	-
Cộng	**124.000.000.000**	**124.000.000.000**	-

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.920.000.000	17.360.000.000

22d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*12.400.000*	*12.400.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*12.400.000*	*12.400.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

22e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dung để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

22f. Phân phối lợi nhuận

- Trong năm, công ty mẹ (Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức) đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm ngày 31/03/2017 như sau:

• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	:	250.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	4.605.378.983
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	4.239.290.679
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	2.480.000.000
Cộng	**:**	**11.574.669.662**

- Ngoài ra Công ty mẹ có tạm phân phối cổ tức từ kết quả kinh doanh của năm 2017 với số tiền là 7.440.000.000 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-TMC-HĐQT ngày 20/04/2017 và số 12/NQ-TMC-HĐQT ngày 27/09/2017.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	**2.272.250.062.425**	**1.991.975.173.336**
+Doanh thu bán xăng dầu	1.989.115.494.690	1.679.156.457.666
+Doanh thu bán xe máy	115.626.148.024	126.092.776.207
+Doanh thu bán sắt thép	34.523.964.026	24.374.462.685
+ Điện máy, điện tử gia dụng	132.332.325.742	162.021.100.819
+ Doanh thu bán gas	652.129.943	330.375.959
- Doanh thu dịch vụ	**10.178.148.188**	**5.848.792.102**
+Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	10.178.148.188	5.848.792.102
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	**11.828.429.932**	**9.106.143.046**
Cộng	**2.294.256.640.545**	**2.006.930.108.484**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	**2.141.984.796.646**	**1.866.455.627.424**
+Giá vốn bán xăng dầu	*1.897.302.534.668*	*1.594.401.440.102*
+Giá vốn bán xe máy	*99.535.294.361*	*109.501.325.542*
+ Giá vốn bán sắt thép	*31.997.259.433*	*22.461.648.763*
+ Điện máy, điện gia dụng	*112.504.533.931*	*139.767.140.557*
+ Giá vốn bán gas	*645.174.253*	*324.072.460*
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	**3.967.988.187**	**1.272.072.323**
+ Giá vốn dịch vụ tiệc cưới	*3.967.988.187*	*1.272.072.323*
- Chi phí kinh doanh cho thuê mặt bằng	**4.995.258.440**	**1.239.274.258**
Cộng	**2.150.948.043.273**	**1.868.966.974.005**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	606.290.226	410.041.253
- Cổ tức lợi nhuận được chia	473.201.550	1.626.287.500
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	14.966.312.500
- Thu từ hợp tác kinh doanh	2.129.836.368	2.129.836.368
- Thu nhập khác	75.975.661	654.249.087
Cộng	**3.285.303.805**	**19.786.726.708**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	465.365.521	339.526.383
- Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	3.371.715.180	8.895.000.000
- Dự phòng/(Hoàn nhập) đầu tư tài chính dài hạn	(4.875.717.302)	(382.379.181)
- Chi phí tài chính khác	53.159.728	3.451.911.075
Cộng	**(985.476.873)**	**12.304.058.277**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	47.992.405.673	45.038.289.508
- Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	9.766.824.898	7.428.416.439
- Chi phí khấu hao	9.666.568.993	8.849.322.166
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.501.010.572	18.798.414.569
- Chi phí khác	3.136.219.665	1.149.538.893
Cộng	**83.063.029.801**	**81.263.981.575**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	21.554.108.745	22.148.655.059
- Chi phí vật liệu quản lý	1.094.354.903	485.739.900
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	613.850.356	1.174.287.220
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.124.170.626	11.588.920.038
- Chi phí khác	5.227.684.252	1.977.335.176
- Phân bổ lợi thế thương mại	19.989.564	(578.491.332)
Cộng	**36.634.158.446**	**36.796.446.061**

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.781.042.955	22.351.193.931
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(93.508)	(39.137.727)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.442.303.375)	(4.351.531.803)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.338.646.072	17.960.524.401
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.479**	**1.448**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 19,5% theo Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm nay.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 31/03/2017.

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.781.042.955	22.351.193.931
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	-	-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(93.508)	(39.137.727)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.442.303.375)	(4.351.531.803)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.338.646.072	17.960.524.401
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	12.400.000	12.400.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.479**	**1.448**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích 19,5% theo Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm nay.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 31/03/2017.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.861.179.801	7.875.957.884
- Chi phí nhân công	69.546.514.418	67.166.704.567
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.280.419.349	10.023.610.393
- Lợi thế thương mại	19.989.564	(578.491.332)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.625.181.198	29.765.818.250
- Chi phí khác	8.363.903.917	3.806.827.874
Cộng	**119.697.188.247**	**118.060.427.636**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm nay:

	Năm nay	Năm trước
- Lương, thưởng, thù lao	5.303.327.500	3.690.170.858
- Cổ tức nhận được	491.160.000	859.530.000
Cộng	**5.794.487.500**	**4.549.700.858**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	*796.111.858.651*	*629.122.082.737*
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 31/12/2017	*11.322.000.000*	*26.268.601.000*
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (SaiGon Petro)		
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	*1.073.604.779.553*	*1.064.694.598.182*
+ Công ty CP TM XNK Thủ Đức còn nợ phải trả tại ngày 31/12/2017	*29.663.780.000*	*14.862.980.000*

2. Báo cáo bộ phận

- ***Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.989.115.494.690	1.897.302.534.668	91.812.960.022	4,62%
Xe máy	115.626.148.024	99.535.294.361	16.090.853.663	13,92%
Sắt thép	34.523.964.026	31.997.259.433	2.526.704.593	7,32%
Hàng hóa điện máy	132.332.325.742	112.504.533.931	19.827.791.811	14,98%
Gas	652.129.943	645.174.253	6.955.690	1,07%
Dịch vụ tiệc cưới	10.178.148.188	3.967.988.187	6.210.160.001	61,01%
Cho thuê mặt bằng và khác	11.828.429.932	4.995.258.440	6.833.171.492	57,77%
Cộng	**2.294.256.640.545**	**2.150.948.043.273**	**143.308.597.272**	**6,25%**

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.679.156.457.666	1.594.401.440.102	84.755.017.564	5,05%
Xe máy	126.092.776.207	109.501.325.542	16.591.450.665	13,16%
Sắt thép	24.374.462.685	22.461.648.763	1.912.813.922	7,85%
Hàng hóa điện máy	162.021.100.819	139.767.140.557	22.253.960.262	13,74%
Gas	330.375.959	324.072.460	6.303.499	1,91%
Dịch vụ tiệc cưới	5.848.792.102	1.272.072.323	4.576.719.779	78,25%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	9.106.143.046	1.239.274.258	7.866.868.788	86,39%
Cộng	**2.006.930.108.484**	**1.868.966.974.005**	**137.963.134.479**	**6,87%**

- ***Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý***

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/04/2017.

	Mã số	Số trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.529	(81)	1.448
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	1.529	(81)	1.448

4. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG	VIÊN THIÊN KHANH	HOÀNG ĐÌNH SƠN

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (1)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Số dư đầu năm trước	**124.000.000.000**	-	**27.458.121.096**	**16.254.156.278**	-	**19.536.767.857**	**481.982.171**	**187.731.027.402**
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	**3.660.071.993**	-	**22.443.883.372**	**39.137.727**	**26.143.093.092**
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	*22.351.193.931*	*39.137.727*	*22.390.331.658*
- Tất toán khi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	*92.689.441*	-	*92.689.441*
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	*3.660.071.993*	-	-	-	*3.660.071.993*
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	**(93.586.849)**	-	**(25.416.884.666)**	-	**(25.510.471.515)**
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	*(25.416.884.666)*	-	*(25.416.884.666)*
- Tất toán vốn khi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	*(93.586.849)*	-	-	-	*(93.586.849)*
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	**124.000.000.000**	-	**27.458.121.096**	**19.820.641.422**	-	**16.563.766.563**	**521.119.898**	**188.363.648.979**
5. Tăng trong năm nay	-	-	-	**4.239.290.679**	-	**22.783.756.780**	**93.508**	**27.023.140.967**
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	*22.780.949.447*	*93.508*	*22.781.042.955*
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	*4.239.290.679*	-	-	-	*4.239.290.679*
- Tăng khác	-	-	-	-	-	*2.807.333*	-	*2.807.333*
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	**(19.028.407.199)**	**(21.119.898)**	**(19.049.527.097)**
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	*(4.239.290.679)*	-	*(4.239.290.679)*
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	*(4.619.116.520)*	*(2.746.885)*	*(4.621.863.405)*
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	*(9.920.000.000)*	*(15.565.680)*	*(9.935.565.680)*
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	*(250.000.000)*	-	*(250.000.000)*
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	*(2.807.333)*	*(2.807.333)*
7. Số dư cuối năm	**124.000.000.000**	-	**27.458.121.096**	**24.059.932.101**	-	**20.319.116.144**	**500.093.508**	**196.337.262.849**

(1) Chi tiết tình hình tăng, giảm trong năm nay như sau:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong	Số dư đầu năm nay	Lãi/Lỗ trong năm	Phân phối lợi nhuận	Số dư cuối kỳ này
Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thài	521.119.898	93.508	(21.119.898)	500.093.508
Cộng	**521.119.898**	**93.508**	**(21.119.898)**	**500.093.508**
	-	-	-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG	VIÊN THIÊN KHANH	HOÀNG ĐÌNH SƠN